



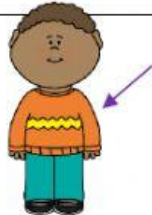







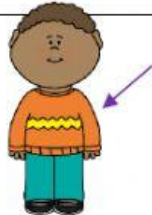







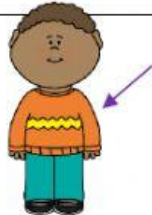















Name :

Class: 1.....

Hướng dẫn HỌC ONLINE MÔN TIẾNG ANH









Tuần 33 (21/3 - 25/3)

THỜI GIAN	NỘI DUNG								
Thứ 2 (21/3)	<p>1. Chỉ tay và ôn tập từ vựng chủ đề “Clothes” qua link: </p> <table><tr><td> bathing suit</td><td> sweater</td><td> shorts</td><td> boots</td></tr><tr><td> blouse</td><td> sandals</td><td> gloves</td><td> jacket</td></tr></table>	 bathing suit	 sweater	 shorts	 boots	 blouse	 sandals	 gloves	 jacket
	 bathing suit	 sweater	 shorts	 boots					
	 blouse	 sandals	 gloves	 jacket					
	<p>2. Chỉ tay và luyện đọc mẫu câu:</p> <table><tr><td> 1. I'm wearing a jacket.</td><td> 2. I'm not wearing pants.</td></tr></table>	 1. I'm wearing a jacket.	 2. I'm not wearing pants.						
 1. I'm wearing a jacket.	 2. I'm not wearing pants.								
<p>3. Ôn tập từ vựng và mẫu câu qua link trò chơi: </p>									

Thứ 3
(22/3)

1. Chỉ tay và luyện đọc từ vựng chủ đề "Clothes" qua link:



 bathing suit	 sweater	 shorts	 boots
 blouse	 sandals	 gloves	 jacket

2. Chỉ tay và luyện đọc mẫu câu:

 1. She's wearing a blouse. She 's not wearing a dress.	 2. He's wearing sandals. He 's not wearing boots.
----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

3. Ôn tập từ vựng và mẫu câu qua link trò chơi:



Thứ 4
(23/3)

1. Ôn tập từ vựng chủ đề “Clothes” qua link bài hát:



2. Chỉ tay và luyện đọc mẫu câu qua link:



I'm **wearing** a T-shirt.

You're **wearing** a T-shirt.

He's **wearing** a T-shirt



I'm **not wearing** a blouse.

You **aren't wearing** a blouse.

She **isn't wearing** a blouse.

Note:



I'm = I am

you're = you are

he's = he is

she's = she is



I'm **not** = I am **not**

you **aren't** = you are **not**

he **isn't** = he is **not**

she **isn't** = she is **not**

3. Ôn tập từ vựng và mẫu câu qua link trò chơi:



Thứ 5
(24/3)

1. Chỉ tay và luyện đọc từ vựng chủ đề “Clothes” qua link:



blouse



sweater



jacket












skirt

 dress	 hat	 cap	 gloves
 jeans	 pants	 boots	 shoes

2. Chỉ tay và luyện đọc mẫu câu qua link: 

  <p>I'm wearing a T-shirt. You're wearing a T-shirt. He's wearing a T-shirt</p>	  <p>I'm not wearing a blouse. You aren't wearing a blouse. She isn't wearing a blouse.</p>
-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

3. Ôn tập từ vựng và mẫu câu qua link trò chơi: 

Thứ 6 (25/3)	<div>1. Ôn tập từ vựng chủ đề “Adjectives” qua link: </div> <div>2. Chỉ tay và luyện đọc từ vựng chủ đề “Adjectives” qua link: </div>			
	 dry	 wet	 warm	 cool
	 thick	 thin	 short	 tall
	<div>3. Ôn tập từ vựng qua link trò chơi: </div> <div>4. Làm phiếu bài tập cuối tuần tại link: </div>			
Extra practice	<div>1. Làm bài trong phần Homework trên Pearson English Portal tại link:  Pearson</div> <div>2. Luyện viết và học từ mới trong phiếu “Trace, write and read”</div>			

Name:

Unit 10 - What clothes do we wear?

Class: 1.....

Date:



Trace, write and read



jeans



pants



gloves



bathing suit



hat



cap